

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 27-12-2017
V/v Không công nhận là vợ
chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hoàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thu Hiền
2. Ông Nguyễn Văn Khánh

Thư ký phiên tòa: Bà Giáp Thị Thu Ly là thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà My La - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 221/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2017 về việc “*Yêu cầu không công nhận là vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 264/2017/QĐXX ngày 28 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Trần Thị N, sinh năm 1966; địa chỉ: số 169, thôn 7, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: ông Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1973; địa chỉ: Công ty, thôn 7, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà N có mặt; ông V vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày:

Bà và ông V chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của

pháp luật. Bà và ông V chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2012 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do khác biệt về cách sống, quan điểm sống; tình cảm giữa bà và ông V ngày càng phai nhạt, không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau, mục đích sống chung không đạt được. Thực tế cho đến nay bà và ông V đã không còn chung sống với nhau từ năm 2012 cho đến nay. Nay bà nhận thấy tình cảm không còn và không thể tiếp tục chung sống nên đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận bà và ông V là vợ chồng để hai bên tự xây dựng cuộc sống riêng.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc V thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh sống chung như bà N trình bày là đúng. Nay ông xác định tình cảm với bà N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên cũng không còn quan tâm chia sẻ cùng nhau trong cuộc sống nên bà N yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận bà N và ông là vợ chồng thì ông cũng đồng ý, không có ý kiến gì thêm.

Về con chung: Bà N và ông V xác định quá trình chung sống có 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc Đ, sinh ngày 01/5/2000 và Trần Thùy T, sinh ngày 25/7/2008. Khi không còn chung sống với nhau như vợ chồng bà N và ông V thống nhất giao hai cháu cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà N và ông V cam đoan quá trình chung sống như vợ chồng không nợ chung ai.

Tòa án đã tiến hành hòa giải vào ngày 28/11/2017 nhưng không tiến hành hòa giải được do ông V không có mặt.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn bà N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn ông V có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng có quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà N và ông V là vợ chồng; Về con chung: giao con chung tên Nguyễn Ngọc Đ, sinh ngày 01/5/2000 và Trần Thùy T, sinh ngày 25/7/2008 cho bà Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Ngọc V không phải cấp dưỡng nuôi con; Về án phí: buộc bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Ngọc V có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông V theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà N và ông V đều thừa nhận có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998. Sau một thời gian dài chung sống thì đến năm 2012 giữa bà N và ông V phát sinh nhiều mâu thuẫn do không có sự tin tưởng, tôn trọng nhau dẫn đến mâu ngày càng gay gắt. Thực tế thì bà N và ông V cũng đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Nay bà N xác định cuộc sống chung lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông V là vợ chồng; ông V cũng đồng ý và xác định tình trạng cuộc sống chung như lời trình bày của bà N là đúng. Như vậy, đã có đủ căn cứ không công nhận bà N và ông V là vợ chồng theo quy định tại Điều 14 và Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: bà N và ông V xác định quá trình chung sống có 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc Đ, sinh ngày 01/5/2000 và Trần Thùy T, sinh ngày 25/7/2008. Khi không là vợ chồng bà N và ông V thống nhất giao cháu Đ và cháu T cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét việc thỏa thuận của bà N và ông V phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình 2014 và nguyện vọng của hai con (BL 35_36) nên cần giao cháu Đ và cháu T cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông V không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà N và ông V cam đoan không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí đối với yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 259, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 14, Điều 53, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận bà Trần Thị N và ông Nguyễn Ngọc V là vợ chồng.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Đ, sinh ngày 01/5/2000 và Trần Thùy T, sinh ngày 25/7/2008 cho bà Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Ngọc V không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc bà Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng là 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0003064 ngày 20/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSND huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- Đương sự;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Công Hoàn

